

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-01	24631082	Bùi Thị Thuý	An	21/05/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
02	A2-02	23641210	Lê Trường	An	10/09/2003	Nam	Cà Mau	A2	B301
03	A2-03	24635052	Ngô Thuý	An	26/06/2006	Nữ	Long An	A2	B301
04	A2-04	22631225	Đỗ Thị Phương	Anh	02/07/2004	Nữ	Long An	A2	B301
05	A2-05	24641235	Nguyễn Hồng	Anh	25/08/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
06	A2-06	24600259	Nguyễn Ngọc Kiều	Anh	29/10/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B301
07	A2-07	24600300	Phan Anh Ngọc	Châu	19/07/2006	Nữ	Bình Dương	A2	B301
08	A2-08	24611060	Nguyễn Thị Kim	Cương	19/02/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
09	A2-09	23681020	Huỳnh Phước	Đạt	24/07/2005	Nam	Kiên Giang	A2	B301
10	A2-10	24661028	Huỳnh Tiến	Đạt	11/10/1999	Nam	TP. HCM	A2	B301
11	A2-11	24600051	Nguyễn Tiến	Đạt	07/01/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
12	A2-12	23600221	Phạm Thành	Đạt	13/04/2005	Nam	Tây Ninh	A2	B301
13	A2-13	24600390	Nguyễn Quốc	Đạt	12/03/2005	Nam	Bình Định	A2	B301
14	A2-14	24600283	Võ Thị Ngọc	Đẹp	23/10/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
15	A2-15	23612105	Nguyễn Thị Huỳnh	Diễm	26/06/2005	Nữ	Long An	A2	B301
16	A2-16	24635150	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	24/11/2006	Nữ	Ninh Thuận	A2	B301
17	A2-17	24611061	Phan Tấn	Doanh	17/11/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
18	A2-18	23641189	Nguyễn Hữu	Đức	18/08/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
19	A2-19	23682009	Nhiếp Thanh	Dung	11/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
20	A2-20	23611020	Võ Ngọc Phương	Dung	21/02/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
21	A2-21	23682064	Nguyễn Thái	Dương	08/06/2005	Nam	Lâm Đồng	A2	B301
22	A2-22	24612050	Nguyễn Văn	Dương	16/05/2006	Nam	Bình Định	A2	B301
23	A2-23	23631035	Ngô Hoàng Phương	Duy	11/09/2004	Nam	TP. HCM	A2	B301
24	A2-24	24631258	Lê Vũ Nhựt	Duyên	19/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B301
25	A2-25	24661091	Lê Hoàng	Hải	10/01/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B301
26	A2-26	24611046	Nguyễn Thị Kim	Hằng	18/08/2006	Nữ	Long An	A2	B301
27	A2-27	24641083	Phạm Thị Thuý	Hằng	21/02/2006	Nữ	Long An	A2	B301
28	A2-28	24631048	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	09/11/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
29	A2-29	22641706	Lê Phước	Hiền	21/11/2003	Nam	An Giang	A2	B301
30	A2-30	23682018	Nguyễn Thị Xuân	Hiệp	09/05/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B301
31	A2-31	23682109	Lê Phước	Hiếu	10/07/2004	Nam	Long An	A2	B301
32	A2-32	23641303	Nguyễn Trần Minh	Hiếu	03/08/2004	Nam	Hậu Giang	A2	B301
33	A2-33	23641163	Phan Mỹ	Hiếu	04/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
34	A2-34	24600534	Trần Thị Như	Hoa	18/01/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B301
35	A2-35	22631363	Kiều Thị	Hoà	12/06/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
36	A2-36	21641462	Trần Huy	Hoàng	20/06/2003	Nam	TP. HCM	A2	B301

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-37	20641798	Nguyễn Thế	Hùng	15/04/1999	Nam	TP. HCM	A2	B302
02	A2-38	23611076	Châu Gia	Huy	29/05/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
03	A2-39	24611058	Đào Ngọc Gia	Huy	15/06/2006	Nam	TP. HCM	A2	B302
04	A2-40	24612026	Võ Hoàng	Huy	08/11/2006	Nam	TP. HCM	A2	B302
05	A2-41	24682108	Phạm Khắc	Huy	04/03/2005	Nam	Cà Mau	A2	B302
06	A2-42	22631096	Trần Quốc	Huy	12/05/2004	Nam	Sóc Trăng	A2	B302
07	A2-43	23611120	Hồ Thị Minh	Huyền	05/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
08	A2-44	23631150	Nguyễn Thị Minh	Huyền	22/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
09	A2-45	24611187	Trần Thị Ngọc	Huyền	06/08/2006	Nữ	Long An	A2	B302
10	A2-46	24611224	Nguyễn Duy	Khang	07/05/2005	Nam	Vĩnh Long	A2	B302
11	A2-47	23600196	Nguyễn Hồng	Khánh	12/08/2005	Nam	Tây Ninh	A2	B302
12	A2-48	24600068	Trần Thị Vân	Khánh	28/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
13	A2-49	24611120	Võ Đăng	Khoa	23/10/2006	Nam	An Giang	A2	B302
14	A2-50	23641272	Trần Thành Duy	Khôi	27/11/2004	Nam	TP. HCM	A2	B302
15	A2-51	23681047	Vũ Đức Duy	Kiểm	22/01/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
16	A2-52	22631227	Dương Quốc Anh	Kiệt	10/11/2004	Nam	Tiền Giang	A2	B302
17	A2-53	22631226	Trần Tuấn	Kiệt	07/01/2004	Nam	Tiền Giang	A2	B302
18	A2-54	23631059	Đỗ Thị Ngọc	Kiều	31/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
19	A2-55	24600397	Mai Thị Ngọc	Lan	23/04/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
20	A2-56	24611050	Nguyễn Thị Trúc	Liên	25/12/2006	Nữ	Long An	A2	B302
21	A2-57	24682037	Trần Thị Yến	Linh	11/04/2006	Nữ	Bến Tre	A2	B302
22	A2-58	24612019	Lê Thành	Luân	27/08/2006	Nam	Tây Ninh	A2	B302
23	A2-59	24600209	Nguyễn Đình Luân	Luân	02/08/2006	Nam	Long An	A2	B302
24	A2-60	24631015	Trần Thụy Như	Luỳnh	21/05/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B302
25	A2-61	24611042	Nguyễn Thị Trúc	Mai	29/12/2006	Nữ	Long An	A2	B302
26	A2-62	24661059	Trương Ngọc	Mai	21/09/2006	Nữ	Bình Phước	A2	B302
27	A2-63	23641367	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	05/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
28	A2-64	24661044	Phạm Ngọc Thảo	My	25/02/2006	Nữ	Long An	A2	B302
29	A2-65	24600319	Nguyễn Võ Trà	My	06/05/2006	Nữ	Long An	A2	B302
30	A2-66	24641006	Nguyễn Thành	Nam	19/08/2004	Nam	Gia Lai	A2	B302
31	A2-67	24611149	Khon Thị Ngọc	Nga	04/04/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
32	A2-68	24631319	Châu Thị Kim	Ngân	07/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B302
33	A2-69	23682025	Đặng Thị Thu	Ngân	31/01/2005	Nữ	Long An	A2	B302
34	A2-70	24611043	Lê Thị Kim	Ngân	27/10/2006	Nữ	Long An	A2	B302
35	A2-71	24600214	Nguyễn Kiều	Ngân	14/04/2006	Nữ	Long An	A2	B302
36	A2-72	24661013	Nguyễn Thị	Ngân	11/10/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-73	24600447	Đặng Huỳnh	Nghi	23/10/2006	Nữ	Ninh Thuận	A2	B303
02	A2-74	24600174	Trương Trọng	Nghĩa	28/04/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B303
03	A2-75	23662033	Vũ Trọng Hiếu	Nghĩa	25/02/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
04	A2-76	24600373	Đoàn Văn	Ngộ	02/07/2006	Nam	Bình Thuận	A2	B303
05	A2-77	24600004	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	23/05/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
06	A2-78	21611092	Phạm Đỗ Hồng	Ngọc	30/04/2002	Nữ	Cần Thơ	A2	B303
07	A2-79	24661010	Phan Lê Mỹ	Ngọc	16/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
08	A2-80	23631206	Nguyễn Thị Kim	Nguyệt	27/03/2005	Nữ	Phú Yên	A2	B303
09	A2-81	24600435	Nguyễn Hoàng	Nhân	26/08/2004	Nam	Long An	A2	B303
10	A2-82	23641242	Nguyễn Lê Hùng Minh	Nhật	21/12/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B303
11	A2-83	24600032	Bùi Thị Huỳnh	Nhi	01/07/2006	Nữ	Bến Tre	A2	B303
12	A2-84	24635106	Lê Nguyễn Yến	Nhi	11/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B303
13	A2-85	24600011	Lê Uyên	Nhi	12/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
14	A2-86	23631032	Trần Ngọc Uyên	Nhi	20/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
15	A2-87	24611227	Dương Thị Huỳnh	Như	17/08/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
16	A2-88	24600026	Hồ Quỳnh	Như	20/06/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
17	A2-89	22631217	Lê Trần Yến	Như	05/12/2004	Nữ	Long An	A2	B303
18	A2-90	24635058	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19/06/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
19	A2-91	23662004	Phạm Thị Huỳnh	Như	20/10/2005	Nữ	Long An	A2	B303
20	A2-92	24611045	Phan Thị Quỳnh	Như	11/11/2006	Nữ	Long An	A2	B303
21	A2-93	23631005	Ngô Ngọc Huỳnh	Như	08/09/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
22	A2-94	24631247	Huỳnh Tuyết	Nhung	29/06/2006	Nữ	Vĩnh Long	A2	B303
23	A2-95	24600357	Lê Trần Tấn	Phát	28/10/2006	Nam	Long An	A2	B303
24	A2-96	24611154	Nguyễn Thành Tấn	Phát	23/11/2006	Nam	Long An	A2	B303
25	A2-97	24611086	Dương Nhật Uyên	Phúc	30/09/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B303
26	A2-98	24631290	Châu Lê Mỹ	Phụng	15/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B303
27	A2-99	24631259	Phạm Thị Nhã	Phương	10/09/2006	Nữ	Long An	A2	B303
28	A2-100	24661095	Nguyễn Thanh	Quang	11/05/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
29	A2-101	23641390	Nguyễn Hoàng Kim	Quy	12/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
30	A2-102	24641337	Nguyễn Thị	Quyên	20/08/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
31	A2-103	23635126	Bùi Thị	Quỳnh	22/02/2005	Nữ	Trà Vinh	A2	B303
32	A2-104	24600365	Lê Như	Quỳnh	08/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
33	A2-105	23600128	Lê Thị Diễm	Quỳnh	27/12/2005	Nữ	Bình Định	A2	B303
34	A2-106	23635142	Trần Như	Quỳnh	20/09/2005	Nữ	Bình Dương	A2	B303
35	A2-107	23631175	Trương Huỳnh Diễm	Quỳnh	13/10/2005	Nữ	Phú Yên	A2	B303
36	A2-108	24661026	Lâm Minh	Sang	17/01/2006	Nam	TP. HCM	A2	B303

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-109	24600480	Nguyễn Hồng	Sương	09/02/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B304
02	A2-110	23682116	Hà Minh	Tài	17/09/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
03	A2-111	22631537	Võ Dương	Tài	06/10/2003	Nam	TP. HCM	A2	B304
04	A2-112	24661093	Nguyễn Ngọc	Tân	14/04/2006	Nam	TP. HCM	A2	B304
05	A2-113	24661039	Trần Quốc	Thái	10/04/2006	Nam	TP. HCM	A2	B304
06	A2-114	22631103	Võ Hoàng	Thái	03/03/2003	Nam	Ninh Thuận	A2	B304
07	A2-115	23631043	Ngô Như	Thắm	27/07/2004	Nữ	Bạc Liêu	A2	B304
08	A2-116	24600014	Trần Thị Thiện	Thanh	15/12/2005	Nữ	Long An	A2	B304
09	A2-117	24631001	Nguyễn Tấn	Thành	25/01/2003	Nam	An Giang	A2	B304
10	A2-118	24600172	Phạm Lộc	Thành	22/08/2006	Nam	Bình Phước	A2	B304
11	A2-119	24600159	Phan Văn	Thành	28/10/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B304
12	A2-120	24641170	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/07/2003	Nữ	Hải Phòng	A2	B304
13	A2-121	23631058	Phan Thị Phương	Thảo	11/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
14	A2-122	23641192	Đinh Thị Thiên	Thảo	24/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
15	A2-123	24600024	Ngô Trang	Thị	27/02/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
16	A2-124	24661014	Lê Đức	Thiện	18/05/2006	Nam	Đồng Nai	A2	B304
17	A2-125	24611123	Đinh Phạm Quốc	Thịnh	10/04/2006	Nam	Đồng Nai	A2	B304
18	A2-126	24600065	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	03/11/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B304
19	A2-127	24635135	Nguyễn Kim	Thoa	22/11/2006	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
20	A2-128	24631152	Trần Thị Kim	Thoa	20/10/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B304
21	A2-129	24611040	Trương Đặng Kim	Thoa	21/12/2006	Nữ	Bình Dương	A2	B304
22	A2-130	23612104	Hồ Nguyễn Anh	Thư	13/06/2005	Nữ	Long An	A2	B304
23	A2-131	24635036	Nguyễn Anh	Thư	01/01/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
24	A2-132	23631155	Nguyễn Ngọc Kim	Thư	23/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
25	A2-133	24635033	Nguyễn Thị Kim	Thư	04/07/2006	Nữ	Long An	A2	B304
26	A2-134	20631212	Trần Thị Anh	Thư	07/03/2002	Nữ	Bạc Liêu	A2	B304
27	A2-135	24641294	Nguyễn Nguyễn Hoài	Thương	18/11/2006	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
28	A2-136	24611048	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	22/04/2026	Nữ	Bến Tre	A2	B304
29	A2-137	24600398	Trần Thị Thanh	Thúy	12/05/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
30	A2-138	24600036	Bùi Thanh	Thủy	10/05/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B304
31	A2-139	23635051	Đỗ Thị Thanh	Thúy	27/02/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
32	A2-140	24635046	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	15/04/2006	Nữ	Long An	A2	B304
33	A2-141	23631174	Trần Thị Kim	Tiên	14/12/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
34	A2-142	24612028	Bùi Trần Huyền	Trâm	12/12/2006	Nữ	Long An	A2	B304
35	A2-143	23635072	Lâm Ngọc	Trâm	10/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
36	A2-144	23641411	Lưu Ngọc Mai	Trâm	28/12/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B304

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-145	23611092	Phạm Thanh	Trâm	20/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
02	A2-146	24612059	Phan Thị Mai	Trâm	08/10/2006	Nữ	Bình Định	A2	B306
03	A2-147	23651011	Nguyễn Thị Thanh	Trân	15/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
04	A2-148	24600375	Phạm Thị Ngọc	Trân	18/02/2006	Nữ	Ninh Thuận	A2	B306
05	A2-149	23635032	Phạm Thị Tuyết	Trân	21/06/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
06	A2-150	23635056	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	13/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
07	A2-151	24600469	Đặng Phạm Hoài	Trang	13/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
08	A2-152	24631032	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	19/08/2004	Nữ	Long An	A2	B306
09	A2-153	24631057	Trần Thị Thùy	Trang	11/06/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
10	A2-154	23634020	Võ Thị Đoan	Trang	22/03/2005	Nữ	Long An	A2	B306
11	A2-155	23641423	Ngô Ngọc Lệ	Trinh	11/03/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
12	A2-156	24600462	Hồ Văn	Trọng	01/08/2006	Nam	Gia Lai	A2	B306
13	A2-157	24641191	Châu Thị Thanh	Trúc	05/04/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
14	A2-158	24600437	Hồ Nguyễn Đông	Trúc	06/11/2006	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
15	A2-159	24600413	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	11/03/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B306
16	A2-160	23641156	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	16/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
17	A2-161	23635149	La Chí	Trung	10/10/2005	Nam	Bến Tre	A2	B306
18	A2-162	24600498	Nguyễn Văn	Trung	26/03/2004	Nam	hừa Thiên - Hu	A2	B306
19	A2-163	24611041	Nguyễn Minh	Tú	03/08/2006	Nam	Tây Ninh	A2	B306
20	A2-164	24612034	Nguyễn Thanh	Tú	28/04/2006	Nam	TP. HCM	A2	B306
21	A2-165	23641177	Lê Văn	Tuấn	25/09/2005	Nam	Long An	A2	B306
22	A2-166	24641364	Bùi Ngọc Đan	Tuyền	16/09/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B306
23	A2-167	24600021	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyền	28/01/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B306
24	A2-168	24600441	Trần Thanh	Tuyền	29/08/2006	Nữ	TP. HCM	A2	B306
25	A2-169	24631274	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	13/10/2006	Nữ	Bến Tre	A2	B306
26	A2-170	24641180	Đặng Thị Hồng	Tuyết	01/02/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B306
27	A2-171	24600424	Ngô Nguyễn Ánh	Tuyết	26/07/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
28	A2-172	23631198	Bùi Phạm Bảo	Uyên	11/06/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
29	A2-173	24600380	Đoàn Nguyễn Gia	Uyên	30/10/2006	Nữ	Quảng Nam	A2	B306
30	A2-174	24641303	Trần Lưu	Vĩnh	05/02/1999	Nam	Đồng Tháp	A2	B306
31	A2-175	24600472	Trương Hoàng	Vĩnh	04/03/2004	Nam	Cà Mau	A2	B306
32	A2-176	24600470	Huỳnh Đặng Thảo	Vy	28/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
33	A2-177	23641326	Nguyễn Phúc Phương	Vy	13/08/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
34	A2-178	23634023	Nguyễn Trần Ngọc Tường	Vy	06/12/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
35	A2-179	24611027	Phan Khả	Vy	04/11/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B306

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	B1-01	24613143	Bùi Nguyễn Tường	An	01/03/2006	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B308
02	B1-02	24613030	Huỳnh Trương Minh	Anh	22/10/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B308
03	B1-03	24613058	Lưu Thụy Trâm Anh	Anh	09/10/2006	Nữ	Vĩnh Long	B1	B308
04	B1-04	24613086	Lưu Thị	Bông	27/03/2006	Nữ	Bình Định	B1	B308
05	B1-05	24613077	Tô Tiến	Đạt	05/04/2005	Nam	Cà Mau	B1	B308
06	B1-06	24613003	Lê Quang	Đông	04/06/2004	Nam	An Giang	B1	B308
07	B1-07	24613096	Tô Thị Hạnh	Dung	25/01/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
08	B1-08	24613080	Lê Quốc	Dũng	15/01/2006	Nam	Quảng Ngãi	B1	B308
09	B1-09	24613054	Trần Thị Thuỳ	Dương	26/04/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B308
10	B1-10	24613234	Nguyễn Thị Kim	Hân	06/03/2006	Nữ	Bình Phước	B1	B308
11	B1-11	24613052	Lê Trung	Hậu	08/02/2006	Nam	Long An	B1	B308
12	B1-12	24613123	Cao Huỳnh	Hương	08/12/2006	Nữ	Bến Tre	B1	B308
13	B1-13	22661048	Đoàn Khắc	Huy	28/01/2004	Nam	Đồng Nai	B1	B308
14	B1-14	24613018	Lương Thuỳ	Linh	21/05/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B308
15	B1-15	24613215	Nguyễn Như	Linh	25/11/2006	Nữ	Long An	B1	B308
16	B1-16	23613147	Phan Thiệu	Long	19/09/2005	Nam	Đồng Nai	B1	B308
17	B1-17	24613168	Trần Dương Thảo	My	29/09/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B308
18	B1-18	24613072	Đặng Nguyễn Hữu	Ngân	12/07/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
19	B1-19	24612032	Nguyễn Thảo	Nguyên	20/11/2006	Nữ	Bình Định	B1	B308
20	B1-20	24613049	Nguyễn Thị Yến	Như	04/06/2006	Nữ	Bình Thuận	B1	B308
21	B1-21	24613158	Bùi Nguyễn Thanh	Phúc	18/07/2006	Nam	Quảng Ngãi	B1	B308
22	B1-22	24613079	Trần Hoàng Kim	Phụng	24/09/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
23	B1-23	24613220	Đỗ Như	Quỳnh	14/07/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B308
24	B1-24	24613252	Nguyễn Huỳnh Như	Quỳnh	10/09/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B308
25	B1-25	23613122	Vòng Trung	Thành	25/09/2005	Nam	TP. HCM	B1	B308
26	B1-26	24635014	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	24/11/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B308
27	B1-27	24635030	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	04/06/2006	Nữ	Thanh Hóa	B1	B308
28	B1-28	24613083	Lạc Chí	Thiện	23/12/2002	Nam	TP. HCM	B1	B308
29	B1-29	24612039	Ngô Minh	Thư	27/11/2006	Nữ	Đồng Nai	B1	B308
30	B1-30	24613110	Lê Thị Thanh	Tuyền	16/08/2006	Nữ	Quảng Nam	B1	B308
31	B1-31	24613211	Nguyễn Dương Thanh	Tuyền	29/07/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
32	B1-32	24613124	Võ Thị Loan	Tuyền	11/10/2006	Nữ	Bến Tre	B1	B308
33	B1-33	24613253	Tất Gia	Văn	09/07/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B308
34	B1-34	24613147	Phan Thị Ngọc	Xuân	17/03/2006	Nữ	Bình Thuận	B1	B308

Ghi chú: Thi sinh kiểm tra kỹ các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót thì báo CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ TP.HCM
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 26/7/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	B2-01	20621259	Trà Phúc	An	21/08/2002	Nữ	TP. HCM	B2	B408
02	B2-02	24621107	Nguyễn Chí Bảo	Anh	05/06/2005	Nam	Đồng Tháp	B2	B408
03	B2-03	23621054	Nguyễn Trần Nguyệt	Ánh	20/08/2005	Nữ	Đồng Tháp	B2	B408
04	B2-04	22621037	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	02/03/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B408
05	B2-05	24621203	Nguyễn Diễm	Hương	06/11/1998	Nữ	Kiên Giang	B2	B408
06	B2-06	21621071	Nguyễn Thị Trúc	Liên	13/10/2002	Nữ	TP. HCM	B2	B408
07	B2-07	23621106	Trương Thị Bạch	Mai	07/05/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B408
08	B2-08	21621049	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	29/06/2001	Nữ	TP. HCM	B2	B408
09	B2-09	23621046	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	12/08/2005	Nữ	TP. HCM	B2	B408
10	B2-10	24621199	Võ Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B408
11	B2-11	23621088	Trần Thị Kim	Tiền	21/01/2005	Nữ	Bình Phước	B2	B408